

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6- GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2025/DS-ST

Ngày: 20 - 8- 2025

V/v“Tranh chấp hợp đồng tín dụng và
hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Siêng

Bà Phạm Hoàng Diễm My

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hoa là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 6- Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Trường Minh Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân khu vực 6- Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 (V2)

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2, Tòa nhà S, số A A, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình T, ông Bùi Đăng D

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Mạnh H, cán bộ Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 (Theo văn bản ủy quyền số 267403.24 ngày 26/11/2024).

Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Chí V1, sinh năm 1982; bà Đặng Thùy L, sinh năm 1982

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn Trường T1, sinh năm 2013
- Nguyễn Ngọc Như Q, sinh năm 2008
- Nguyễn Ngọc Hải Y, sinh năm 2004

Cùng địa chỉ: Khu phố Thiện Đức, phường Hoài Hương, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định

(Nay là Khu phố Thiện Đức, phường Hoài Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai).

(Nguyên đơn có mặt. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ *Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 (viết tắt là V2)- Chi nhánh B cấp tín dụng cho bà Đặng Thùy L, ông Nguyễn Chí V1 tại hợp đồng tín dụng số 3854993.23, giải ngân số tiền vay 1.924.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm hai mươi bốn triệu đồng), mục đích bổ sung vốn kinh doanh mua bán hải sản. Thời hạn vay 24 tháng, lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 9,00%/năm, được áp dụng ưu đãi trong 06 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Khi hết thời hạn 06 tháng, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,2%/năm. Thông tin lãi suất cơ sở theo sản phẩm tại từng thời kỳ được thông báo công khai trên website của V2 hoặc hình thức thông báo khác do V2 quyết định trong từng thời kỳ.

Ngoài ra, ngày 13/10/2023, Ngân hàng V2 đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Đặng Thùy L chi tiết số thẻ như sau 5138926600440119, hạn mức thẻ: 150.000.000 đồng, lãi suất, phí: theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

Để đảm bảo cho khoản vay, bà L, ông V1 đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1461, tờ bản đồ số 04, địa chỉ: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (nay là Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai), diện tích 1326,4m² (trong đó đất ở tại đô thị 368,3m², đất trồng cây lâu năm 958,1m²).

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, bà L ông V1 nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đến thời điểm ngày 20/11/2024, bà L ông V1 chỉ trả được 72.641.875 đồng tiền lãi. Ngân hàng V2 nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc và tạo điều kiện cho vợ chồng ông V1 bà L thực hiện việc trả nợ nhưng không có kết quả. Khoản nợ của ông V1, bà L đã chuyển sang quá hạn kể từ ngày 15/02/2024.

Kể từ ngày chuyển quá hạn của Hợp đồng tín dụng nói trên, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc và yêu cầu ông V1, bà L thực hiện nghĩa vụ trả nợ

nhưng không có kết quả, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Tính đến ngày 20/8/2025, tổng số nợ ông V1, bà L nợ ngân hàng là 2.711.375.204 đồng (trong đó nợ gốc hai khoản là: 2.070.917.724, nợ lãi quá hạn: 157.905.534, nợ lãi phạt, phí: 482.551.946 đồng). Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông V1, bà L trả nợ cho ngân hàng.

Trường hợp không trả đủ số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng nói trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản nói trên để thu hồi nợ. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông V1, bà L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho V2.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vợ chồng ông V1, bà L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của ngân hàng, không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo và giấy báo của Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/QBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1, buộc vợ chồng ông Nguyễn Chí V1, bà Đặng Thùy L phải trả cho Ngân hàng số tiền 2.711.375.204 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng phát hành thẻ tín dụng cho đến khi hết nợ vay.

Trường hợp ông V1 bà L không trả hoặc trả không đủ số tiền nợ thì Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1361537.23 ngày 09/8/2023 được ký kết giữa Ngân hàng và ông V1, bà L để đảm bảo việc thu hồi nợ. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Vợ chồng ông V1, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận

định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền xét xử vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Hội đồng xét xử nhận thấy việc ký kết hợp đồng tín dụng được thực hiện giữa pháp nhân là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (viết tắt là V2) và cá nhân là vợ chồng ông Nguyễn Chí V1, bà Đặng Thùy L không có đăng ký kinh doanh và tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng V2 và bà Đặng Thùy L, đây là vụ án dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Bị đơn có hộ khẩu và nơi ở tại khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (nay là Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai), vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6- Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Chí V1, bà Đặng Thùy L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T1, chị Q, chị Y được Tòa án triệu tập hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu trả nợ của nguyên đơn:

- Đối với hợp đồng tín dụng số 3854993.23 ngày 09 tháng 8 năm 2023 thấy rằng: bên cho vay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1, bên vay là vợ chồng ông V1, bà L. Hợp đồng này được ký kết hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung phù hợp với các quy định tại các điều 385, 386, 388, 398, 399, 400, 401, 463 của Bộ luật dân sự 2015 nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia ký kết hợp đồng. Ngân hàng V2 đã giải ngân cho bên vay toàn bộ số tiền vay 1.924.000.000 đồng theo đúng thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ kèm theo. Đối với hợp đồng phát hành thẻ tín dụng giữa ngân hàng V2 và bà L: Đây là giao dịch dân sự cung cấp tín dụng theo hình thức thẻ tín dụng cá nhân, loại hình thẻ V2 được ký kết giữa bà Đặng Thùy L và Ngân hàng V2 có hình thức bằng văn bản có tiêu đề “ĐỀ NGHỊ PHÁT HÀNH THẺ” ngày 13/10/2023, các chủ thẻ ký kết tự nguyện, đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật. Do đó, giao dịch dân sự cung cấp tín dụng theo hình thức thẻ tín dụng đã ký kết không vi phạm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông V1, bà L không trả gốc và thường xuyên chậm trả lãi cho Ngân hàng, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng vợ chồng ông V1, bà L vẫn không có thiện chí trả nợ dẫn đến toàn bộ dư

nợ chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 15/02/2024.

Do vậy, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông V1, bà L trả số tiền còn nợ nói trên và tiền lãi phát sinh kèm theo là phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Mặt khác thấy rằng, các khoản vay nợ của ông V1, bà L có mục đích bổ sung vốn kinh doanh mua bán hải sản, đồng nghĩa với việc phục vụ đời sống, chi tiêu chung, đây là những nhu cầu thiết yếu được quy định tại các điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình, ông V1 bà L cùng thống nhất sử dụng tài sản chung để bảo đảm cho hai khoản vay nên buộc ông V1 cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng bà L các khoản vay trên là phù hợp.

[2.2] Về lãi suất: Đối với khoản tiền lãi mà Ngân hàng tính đến ngày 20/8/2025 là nợ lãi quá hạn của tổng hai khoản vay là 157.905.534 đồng, lãi phạt, phí: 482.551.946 đồng. Do vợ chồng ông V1, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã chuyển khoản nợ trên thành khoản nợ quá hạn từ ngày 15/02/2024 và buộc vợ chồng ông V1, bà L phải trả lãi theo mục 2.4 về lãi suất, tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số 3854993.23 ngày 09 tháng 8 năm 2023.

Việc Ngân hàng áp dụng mức lãi suất quá hạn của hợp đồng tín dụng phù hợp với mục 2.4 (phần Các điều khoản và điều kiện tài chính, đính kèm Hợp đồng tín dụng số 3854993.23 ngày 09 tháng 8 năm 2023) quy định về lãi suất, tiền lãi của Hợp đồng tín dụng, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất và tinh thần của án lệ số 08/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày tiếp theo ngày 20/8/2025 theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 3854993.23 ngày 09 tháng 8 năm 2023 và hợp đồng thế tín dụng số 5138926600440119 cho đến khi vợ chồng ông V1, bà L thanh toán xong khoản nợ.

[2.3] Về tài sản thế chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án cho xử lý phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản để thu hồi nợ thấy rằng: Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại Văn phòng C, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 và ông Nguyễn Chí V1, bà Đặng Thùy L đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số 1361537.23 về việc thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1461, tờ bản đồ số 04, địa chỉ: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (nay là Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai), diện tích 1326,4m² (trong đó đất ở tại đô thị 368,3m², đất trồng cây lâu năm 958,1m²). Số phát hành: DD792161, số vào sổ cấp GCN: CS05193, Cơ quan cấp: Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B, ngày cấp 04/4/2022.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn

bản tố tụng để vợ chồng bà L, ông V1, anh T1, chị Q, chị Y có mặt tại Tòa làm việc nhưng không ai thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ theo quy định tại các Điều 91; 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó, các đương sự nói trên phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án sẽ căn cứ vào chứng cứ trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/4/2025, tài sản trên đất tại thời điểm xem xét không có gì thay đổi so với tại thời điểm các bên đương sự làm thủ tục thế chấp.

Xét Hợp đồng thế chấp tài sản nói trên được các bên tự nguyện ký kết, có hình thức, nội dung không trái với quy định của pháp luật, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp khi bên vay (vợ chồng bà L, ông V1) vi phạm nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 299, 303 và khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V2 được chấp nhận nên bị đơn là bà L, ông V1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng khác: Vợ chồng bà L, ông V1 phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các điều 299, 303, 317, 320, khoản 7 Điều 323, các điều 429, 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 đối với vợ chồng ông Nguyễn Chí V1, bà Đặng Thùy L.

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Chí V1, bà Đặng Thùy L liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 số tiền 2.711.375.204 đồng (trong đó, nợ gốc 2.070.917.724 đồng, nợ lãi quá hạn 157.905.534 đồng, nợ lãi phạt, phí 482.551.946).

Kể từ ngày 21/8/2025, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông V1, bà L không trả được nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mãi tài sản sau đây để thu hồi nợ: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1461, tờ bản đồ số 04, địa chỉ: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (nay là Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai), diện tích 1326,4m² (trong đó đất ở tại đô thị 368,3m², đất trồng cây lâu năm 958,1m²), (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1361537.23 ngày 09/8/2023 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 và vợ chồng ông V1, bà L). Nếu tài sản thu được từ việc phát mãi tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì vợ chồng ông V1, bà L có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi hết nợ.

2. Về án phí: Vợ chồng ông V1, bà L phải chịu 86.227.500 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 39.902.000 tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp theo Biên lai thu số 0007214 ngày 13 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh Gia Lai).

3. Về chi phí tố tụng khác: Vợ chồng ông V1, bà L phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Phường

